

TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH TIỀN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 612/2024/DS-PT

Ngày: 16 - 12 - 2024

V/v tranh chấp “Quyền sử dụng đất;
Yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử
dụng đất”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG

- **Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lưu Thị Thu Thủy.

Các Thẩm phán: Ông Huỳnh Việt Trung.

Bà Lâm Ngọc Tuyền.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Trần Hồng Chi- Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang.

- **Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang:** Bà Mai Thị Đào Quyên - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 16 tháng 12 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 451/2024/TLPT-DS ngày 29 tháng 10 năm 2024 về tranh chấp “Quyền sử dụng đất; Yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 381/2024/DS-ST ngày 04 tháng 9 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện G, tỉnh Tiền Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 544/2024/QĐ-PT ngày 06 tháng 11 năm 2024 giữa các đương sự:

1. **Nguyên đơn:** Ông Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1952;

Địa chỉ: Số D, khu V, đường L, phường B, quận B, thành phố Cần Thơ.

2. **Bị đơn:** Ông Nguyễn Văn M, sinh năm 1955;

Địa chỉ: ấp T, xã V, huyện G, tỉnh Tiền Giang.

3. **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

+ Nguyễn Văn H, sinh năm 1952;

+ Nguyễn Văn P, sinh năm 1944;

+ Lê Thị H1, sinh năm 1962;

+ Trần Thị T, sinh năm 1954;

- + Nguyễn Quốc K, sinh năm 1978;
- + Nguyễn Quốc T1, sinh năm 1984;
- + Nguyễn Văn Quốc Đ1, sinh năm 1985;
- + Nguyễn Quốc N, sinh năm 1992;
- + Nguyễn Thị Thanh X, sinh năm 1987;
- + Nguyễn Thị Tố N1, sinh năm 1992;

Địa chỉ: ấp T, xã V, huyện G, tỉnh Tiền Giang.

- + Nguyễn Thị P1, sinh năm 1940;

Địa chỉ: Số C H, khu V, phường N, thành phố N, tỉnh Hậu Giang.

- + Nguyễn Thị H2, sinh năm 1954;

Địa chỉ: Số B B, khu V, phường B, quận B, thành phố Cần Thơ.

- + Nguyễn Văn N2, sinh năm 1964;

Địa chỉ: Số D Hồ H, phường A, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

- + Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh T.

Đại diện theo pháp luật: Ông Đoàn Văn P2 – Chức vụ: Giám đốc.

Địa chỉ: Số C đường H, xã Đ, thành phố M, tỉnh Tiền Giang.

- + Ủy ban nhân dân huyện G.

Đại diện theo pháp luật: Ông Huỳnh Thanh B – Chức vụ: Chủ tịch.

Địa chỉ: Khu phố D, thị trấn V, huyện G, tỉnh Tiền Giang.

4. *Người làm chứng:* Nguyễn Văn D, sinh năm 1966;

Địa chỉ: ấp T, xã V, huyện G, tỉnh Tiền Giang.

5. *Người kháng cáo:* Bị đơn - ông Nguyễn Văn M.

(Có mặt ông Đ, ông M, ông P, ông H. Những người còn lại có đơn xin vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*Theo bản án sơ thẩm;

- *Nguyên đơn Nguyễn Văn Đ trình bày:*

Nguồn gốc đất tranh chấp là của ông Nguyễn Văn T2 quản lý, sử dụng. Khi ông T2 còn sống vào năm 1995, ông T2 chia cho ông Đ hơn 01 công đất, qua đo đạc thực tế có diện tích 1.022,9m². Sau khi được chia đất, ông Đ cho con của ông Nguyễn Văn M thuê trồng ớt. Đến năm 1999, ông Đ lấy lại đất cho ông Nguyễn Văn H thuê làm lúa.

Năm 2013, ông Đ lấy lại đất, cải tạo đất lên líp trồng dừa, giao đất cho ông H giữ dùm, ông Đ về thành phố Cần Thơ.

Ông M tự ý đăng ký, kê khai cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, cấp luôn phần đất của ông Đ, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 232.QSDĐ ngày 04/4/1997 do Ủy ban nhân dân huyện G cấp cho ông Nguyễn Văn M, thuộc thửa đất số 553, tờ bản đồ số 3, diện tích 6.020,0m².

Đến năm 2018, ông M đăng ký cấp đổi lại thành đất thửa số 591, tờ bản đồ số 17, diện tích 5.608,3m², theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CS08284 ngày 25/10/2018 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh T cấp cho ông Nguyễn Văn M.

Năm 2023, ông M chuyển quyền sử dụng đất cho ông Nguyễn Văn H diện tích 1.103,4m²; nên diện tích còn lại là 4.504,9 m², thửa 743, được chỉnh lý tại mục IV ngày 22/4/2023, trong đó có phần đất diện tích 1.022,9m² của ông Đ.

Nay ông Đ yêu cầu Toà án giải quyết:

+ Công nhận phần đất diện tích 1.022,9m² là một phần thửa đất 591 (thửa đất mới 743), tờ bản đồ số 17, diện tích 4.504,3m²; theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CS08284 ngày 25/10/2018 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh T cấp cho ông Nguyễn Văn M, được chỉnh lý tại mục IV ngày 22/4/2024 thuộc quyền sử dụng của ông Đ; đất tọa lạc tại ấp T, xã V, huyện G, tỉnh Tiền Giang. Ông Đ trả công cải tạo đất cho ông M số tiền 20.000.000 đồng.

+ Yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 232.QSDĐ ngày 04/4/1997 do Ủy ban nhân dân huyện G cấp cho ông Nguyễn Văn M, đối với thửa đất số 553, tờ bản đồ số 3, diện tích 6.020m² và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CS08284 ngày 25/10/2018 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh T cấp cho ông Nguyễn Văn M, đối với thửa đất số 591, tờ bản đồ số 17, diện tích 5.608,3m². Thực hiện ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

- Bị đơn Nguyễn Văn M trình bày:

Nguồn gốc đất là của ông Nguyễn Văn T2 cho ông Nguyễn Văn M. Khi ông T2 còn sống có chia đất cho các anh chị em, nhưng ông Đ sống ở thành phố Cần Thơ không về nhận đất. Ông M sống chung với ông T2 khai hoang cải tạo đất. Ông M đăng ký kê khai cấp quyền sử dụng đất, nên ông M được Ủy ban nhân dân huyện G cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 232.QSDĐ ngày 04/4/1997, đối với thửa đất số 553, tờ bản đồ số 3, diện tích 6.020,0m².

Năm 2009, ông T2 chết. Đến năm 2018, ông M đăng ký cấp đổi lại thành thửa số 591, tờ bản đồ số 17, diện tích 5.608,3m²; theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CS08284 ngày 25/10/2018 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh T cấp cho ông Nguyễn Văn M.

Năm 2023 chuyển quyền sử dụng đất cho ông Nguyễn Văn H diện tích 1.103,4m²; nên diện tích còn lại là 4.504,9 m², thửa 743, được chỉnh lý tại mục IV ngày 22/4/2023, trong đó có phần đất diện tích 1022,9m² đang tranh chấp với ông Đ.

Năm 2013, ông Đ sử dụng đất lên líp trồng dừa, giao cho ông H giữ đất cho đến nay.

Ông M không đồng ý công nhận phần đất diện tích 1.022,9m² thuộc quyền sử dụng của ông Đ. Ông M đồng ý để cho ông Đ sử dụng phần đất diện tích 1.022,9m² và hưởng hoa lợi trên đất đến hết đời ông Đ, ông M lấy lại đất.

Ông M không đồng ý việc ông Đ yêu cầu hủy các giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do cơ quan có thẩm quyền cấp cho ông M.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trình bày:*

+ *Ông Nguyễn Văn H và ông Nguyễn Văn P trình bày:* Nguồn gốc đất là của ông Nguyễn Văn T2 quản lý, sử dụng. Khi ông T2 còn sống, khoảng năm 1995, ông T2 chia đất cho ông Đ, đo đạc diện tích 1.022,9m². Ông Đ sử dụng đất, lên líp trồng dừa, giao ông H giữ đất dùm cho ông Đ từ năm 2013 cho đến nay; ông H thống nhất với yêu cầu khởi kiện của ông Đ.

+ *Bà Nguyễn Thị P1, bà Nguyễn Thị H2, ông Nguyễn Văn N2 thống nhất trình bày:* Khi ông T2 còn sống có chia đất cho ông Đ như ông Đ trình bày. Bà P1, bà H2, ông N2 thống nhất với yêu cầu khởi kiện của ông Đ.

+ *Bà Trần Thị T, anh Nguyễn Quốc K, anh Nguyễn Quốc T1, anh Nguyễn Văn Quốc Đ1, anh Nguyễn Quốc N, chị Nguyễn Thị Thanh X, chị Nguyễn Thị Tố N1 trình bày:* Thống nhất theo ý kiến của ông M; không có yêu cầu gì trong vụ án.

+ *Bà Lê Thị H1 trình bày:* Việc tranh chấp quyền sử dụng đất giữa ông Đ với ông M, bà H1 không có ý kiến, yêu cầu gì trong vụ án.

+ *Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh T trình bày:*

Việc cấp, đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông M là đúng theo quy định tại Điều 76 Nghị định 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật đất đai; đồng thời, việc Sở T cấp đổi giấy chứng nhận cũng không làm thay đổi nguồn gốc ban đầu của giấy chứng nhận đã cấp. Do đó, đối với yêu cầu hủy giấy chứng nhận số phát hành CP382071, số vào sổ cấp giấy chứng nhận CS08284 Sở T không có cơ sở xem xét.

Việc xem xét có ý kiến về việc hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ 232 là thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân huyện G cấp giấy chứng nhận lần đầu theo điểm d khoản 2 Điều 106 Luật đất đai năm 2013.

Trường hợp có cơ sở xác định giấy chứng nhận đã cấp lần đầu cho ông Nguyễn Văn M là không phù hợp điểm d khoản 2 Điều 106 Luật đất đai năm 2013 dẫn đến kết quả là thu hồi hoặc hủy giấy chứng nhận số phát hành CP382071, số vào sổ cấp giấy chứng nhận CS08284 do Sở T cấp ngày 25/10/2018, cơ quan có thẩm quyền sẽ căn cứ vào kết luận bản án hoặc quyết định của Tòa án để thực hiện.

+ *Ủy ban nhân dân huyện G trình bày:*

Việc ông Nguyễn Văn Đ yêu cầu công nhận phần đất diện tích 1022,9m², thuộc một phần thửa đất số 591, tờ bản đồ số 17, diện tích 4.504,9m², theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CS08284 ngày 25/10/2018 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh T cấp ngày 25/10/2018 cho ông Nguyễn Văn M, được chỉnh lý tại mục IV ngày 22/4/2023 (thực hiện theo bản án số 282A/2022/DSST ngày 19/9/2022 của Tòa án nhân dân huyện G) thuộc quyền sử dụng của ông Nguyễn Văn Đ; đất tọa lạc tại ấp T, xã V, huyện G, tỉnh Tiền Giang; Ủy ban nhân dân huyện G đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Việc ông Nguyễn Văn Đ yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 232.QSDĐ ngày 04/4/1997 do Ủy ban nhân dân huyện G cấp cho ông Nguyễn Văn M, đối với thửa đất số 553, tờ bản đồ số 3, diện tích 6.020,0m² và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CS08284 ngày 25/10/2018 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh T cấp cho ông Nguyễn Văn M, đối với thửa đất số 591, tờ bản đồ số 17, diện tích 5608,3m², đất tọa lạc tại ấp T, xã V, huyện G, tỉnh Tiền Giang; Ủy ban nhân dân huyện G đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

- *Người làm chứng là ông Nguyễn Văn D trình bày:*

Khoảng năm 1995, ông M, ông Đ, ông D có trực tiếp cầm dây thước đo đất xác định vị trí đất chia cho ông Đ. Ông Đ đã sử dụng đất, cải tạo đất, lên líp trồng dừa như hiện nay.

*** Bản án dân sự sơ thẩm số: 381/2024/DS-ST ngày 04 tháng 9 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện G**, tỉnh Tiền Giang căn cứ vào các Điều 166 Bộ Luật dân sự năm 2015; Luật Đất đai năm 2013;

Xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn Đ.

- Công nhận phần đất diện tích 1022,9m², một phần thửa đất số 591 (thửa đất mới 743), tờ bản đồ số 17, diện tích 4.054,9m²; theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số SC08284 ngày 25/10/2018 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh T cấp cho ông Nguyễn Văn M, được chỉnh lý tại mục IV ngày 22/4/2023 thuộc quyền sử dụng của ông Nguyễn Văn Đ; đất tọa lạc tại ấp T, xã V, huyện G, tỉnh Tiền Giang; có vị trí như sau:

- + Đông giáp đất ông Nguyễn Văn T3.
 - + Tây giáp đất ông Nguyễn Văn M.
 - + Nam giáp đất ông Nguyễn Văn M.
 - + Bắc giáp đất ông Nguyễn Văn M (hiện nay đất của Nguyễn Văn H).
- (có sơ đồ trích đo thửa đất kèm theo).

-Ông Nguyễn Văn Đ được quyền liên hệ với Cơ quan nhà nước có thẩm quyền để lập thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

- Ghi nhận ông Nguyễn Văn Đ trả cho ông Nguyễn Văn M công cải tạo đất số tiền 20.000.000 đồng (Hai mươi triệu đồng).

Thực hiện ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

2. Không chấp nhận yêu cầu của ông Nguyễn Văn Đ về việc yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 232.QSĐĐ ngày 04/4/1997 do Ủy ban nhân dân huyện G cấp cho ông Nguyễn Văn M, đối với thửa đất số 553, tờ bản đồ số 3, diện tích 6.020,0m² và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CS08284 ngày 25/10/2018 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh T cấp cho ông Nguyễn Văn M, đối với thửa đất số 591, tờ bản đồ số 17, diện tích 5.608,3m².

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về nghĩa vụ chậm thi hành án và quyền kháng cáo của đương sự theo quy định.

* Ngày 10 tháng 9 năm 2024, ông Nguyễn Văn M có đơn kháng cáo yêu cầu cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

*** Tại phiên tòa phúc thẩm:**

- Ông Nguyễn Văn Đ giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Ông Nguyễn Văn M giữ nguyên yêu cầu kháng cáo. Ông Nguyễn Văn P và ông Nguyễn Văn H thống nhất với yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn Đ, không đồng ý với yêu cầu kháng cáo của ông Nguyễn Văn M. Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

- Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên: Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Nguyễn Văn M, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN

Căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, nghe ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về tố tụng: Đơn kháng cáo của ông Nguyễn Văn M còn trong thời hạn quy định nên được hội đồng xét xử xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

[2]. Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án theo quy định.

[3]. Về nội dung kháng cáo, xét thấy:

- Phần đất đang tranh chấp đo đạc thực tế có diện tích 1022,9m² là một phần của thửa đất số 591 (thửa mới 743), tờ bản đồ số 17, diện tích 4.054,9m²; theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CS 08284 ngày 25/10/2018 do Sở Tài nguyên và Môi trường

tỉnh T cấp cho ông Nguyễn Văn M, được chỉnh lý tại mục IV ngày 22/4/2023, đất tọa lạc tại ấp T, xã V, huyện G, tỉnh Tiền Giang; có vị trí như sau:

- + Đông giáp đất ông Nguyễn Văn T3.
- + Tây giáp đất ông Nguyễn Văn M.
- + Nam giáp đất ông Nguyễn Văn M.
- + Bắc giáp đất ông Nguyễn Văn M (hiện nay đất của Nguyễn Văn H).

- Qua kết quả xem xét thẩm định tại chỗ (bút lục 93, 94) thể hiện trên đất tranh chấp ông Đ có trồng 30 cây dừa, 09 cây mai, 01 cây tắc, 01 cây bưởi, 01 cây mận, 02 cây mít, 13 bụi chuối.

- Nguồn gốc đất là của ông Nguyễn Văn T2 (cha của ông Đ, ông M, ông P, ông H) quản lý, sử dụng. Trong thời gian ông M sống chung với ông T2, ông M có đơn xin đăng ký cấp quyền sử dụng ruộng đất, nên được Ủy ban nhân dân huyện G cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 232.QSDĐ ngày 04/4/1997, trong đó có thửa đất 553, tờ bản đồ số 3, diện tích 6.020,0m². Đến năm 2018, ông M có đơn xin cấp đổi lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, nên ngày 25/10/2018 Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh T cấp đổi lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CS08284 cho ông Nguyễn Văn M, thửa đất số 591, tờ bản đồ số 17, diện tích 5.608,3m². Năm 2023, ông M chuyển quyền sử dụng đất cho ông Nguyễn Văn H diện tích 1.103,4m² (thửa 742), được chỉnh lý tại trang 3, diện tích đất còn lại là 4.504,9m² (thửa 743), trong đó có phần đất tranh chấp giữa ông Đ và ông M.

- Năm 1995, ông T2 có chia đất cho các con ông T2, trong đó có chia cho ông Đ 1.022,9m² là một phần thửa đất 591 (thửa mới 743), diện tích 4.054,9m² được các anh, chị em của ông Đ và ông M gồm ông Nguyễn Văn P, ông Nguyễn Văn H, ông Nguyễn Văn N2, bà Nguyễn Thị H2, Nguyễn Thị P1 thừa nhận; đồng thời lời khai của người làm chứng là ông Nguyễn Văn D có chứng kiến việc ông M và ông Đ xác định vị trí đất chia cho ông Đ.

- Năm 2008, ông Đ có đăng ký, kê khai xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với diện tích đất này nhưng chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, có thông qua của Ủy ban nhân dân xã V xác nhận (bút lục số 288).

- Năm 2013, ông Đ cải tạo đất từ đất ruộng lên líp trồng cây lâu năm, nhưng ông M không cản, mà đồng ý để cho ông Đ sử dụng đất và thu hoa lợi trên đất cho đến nay; cho thấy ông M mặc nhiên thừa nhận phần đất diện tích 1.022,9m² thuộc quyền sử dụng của ông Đ.

Mặc dù ông M là người đứng tên giấy đất nhưng ông Đ là người quản lý, sử dụng diện tích đất nêu trên từ năm 1995 cho đến nay. Cho nên việc ông Đ khởi kiện yêu cầu Tòa án công phần đất diện tích 1.022,9m² thuộc quyền sử dụng của ông Đ là có căn cứ phù hợp pháp luật.

Tại phiên tòa hôm nay, ông M cũng đồng ý để ông Đ đứng tên chủ sử dụng đối với phần đất tranh chấp nhưng yêu cầu ông Đ phải bồi hoàn cho ông M công sức cải tạo đất là 70.000.000 đồng nhưng ông M không cung cấp được chứng cứ

chứng minh ông đã cải tạo đất như thế nào, chi phí cải tạo là bao nhiêu, trong khi ông Đ, ông P và ông H đều thống nhất trình bày ông M không có công sức trong việc gìn giữ, cải tạo làm tăng giá trị phần đất đang tranh chấp. Cho nên việc ông M yêu cầu ông Đ phải trả cho ông số tiền 70.000.000 đồng là không có căn cứ nên không được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Ông M kháng cáo nhưng không bổ sung được chứng cứ chứng minh. Do vậy, Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông M, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[4]. Về án phí: Ông M là người cao tuổi, có đơn xin miễn nộp án phí nên ông M được miễn toàn bộ án phí theo quy định.

[5]. Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308, khoản 2 Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 166 Bộ Luật dân sự năm 2015; Điều 202, 203 Luật đất đai năm 2013;

Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1/- Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Nguyễn Văn M.

Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 381/2024/DS-ST ngày 04 tháng 9 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện G, tỉnh Tiền Giang.

Xử: Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn Đ.

1.1. Công nhận phần đất diện tích 1.022,9m² là một phần của thửa đất số 591 (thửa đất mới 743), tờ bản đồ số 17, diện tích 4.054,9m² theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số SC08284 ngày 25/10/2018 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh T cấp cho ông Nguyễn Văn M, được chỉnh lý tại mục IV ngày 22/4/2023 **thuộc quyền sử dụng của ông Nguyễn Văn Đ**; đất tọa lạc tại ấp T, xã V, huyện G, tỉnh Tiền Giang; có vị trí như sau:

+ Đông giáp đất ông Nguyễn Văn T3.

+ Tây giáp đất ông Nguyễn Văn M.

+ Nam giáp đất ông Nguyễn Văn M.

+ Bắc giáp đất ông Nguyễn Văn M (hiện nay đất của Nguyễn Văn H).

(Có sơ đồ trích đo thửa đất kèm theo).

Ông Nguyễn Văn Đ được quyền liên hệ với Cơ quan nhà nước có thẩm quyền để lập thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

- Ghi nhận việc ông Nguyễn Văn Đ tự nguyện trả cho ông Nguyễn Văn M công cải tạo đất với số tiền 20.000.000 đồng (Hai mươi triệu đồng).

Kể từ ngày ông Nguyễn Văn M có đơn yêu cầu thi hành án, nếu ông Nguyễn Văn Đ chậm trả tiền thì còn phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

1.2. Không chấp nhận yêu cầu của ông Nguyễn Văn Đ về việc:

+ Yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 232.QSDĐ ngày 04/4/1997 do Ủy ban nhân dân huyện G cấp cho ông Nguyễn Văn M, đối với thửa đất số 553, tờ bản đồ số 3, diện tích 6.020,0m²;

+ Yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CS08284 ngày 25/10/2018 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh T cấp cho ông Nguyễn Văn M, đối với thửa đất số 591, tờ bản đồ số 17, diện tích 5.608,3m².

2/- Về án phí: Ông Nguyễn Văn Đ và ông Nguyễn Văn M được miễn nộp toàn bộ án phí.

3/- Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Tiền Giang;
- TAND huyện G;
- Chi cục THADS huyện G;
- Các đương sự;
- Phòng KTNV&THA;
- Cổng thông tin điện tử;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lưu Thị Thu Thủy